

Số: 122/BC-THL

Phú Nhuận, ngày 20 tháng 7 năm 2024

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2024**

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo “Qui định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân”.

Trường THCS Trần Huy Liệu báo cáo thực hiện công khai thường niên của nhà trường năm 2024 cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG:

Trường Trung học cơ sở Trần Huy Liệu được thành lập ngày 01 tháng 7 năm 2017 theo Quyết định số 685/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận. Trường có tổng diện tích 7442 m² tọa lạc tại số 89, Nguyễn Đình Chiểu, Phường 4, quận Phú Nhuận. Sau 7 năm hoạt động giảng dạy và giáo dục, nhà trường đã có những bước phát triển bền vững. Tính đến đầu năm học 2024 – 2025, trường có 82 cán bộ, giáo viên, nhân viên được chia thành 06 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng; Chi bộ Đảng gồm 26 đảng viên, Công đoàn cơ sở có 82 công đoàn viên và Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 17 đoàn viên; 40 phòng học và 33 lớp với 1273 học sinh.

Sứ mệnh của nhà trường là “Xây dựng môi trường học tập thân thiện, nền nếp, kỷ cương, chất lượng để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực, phẩm chất, khả năng sáng tạo của bản thân, biết ứng xử văn hóa, giao tiếp văn minh lịch sự và thích ứng với sự phát triển của xã hội để trở thành những công dân tốt”.

Trong những năm qua, trường Trung học cơ sở Trần Huy Liệu đã từng bước khẳng định được uy tín, chất lượng của trường với xã hội. Trường đã xây dựng được đội ngũ giáo viên tận tụy, có trách nhiệm với công việc, tích cực tham gia các hoạt động giáo dục, hoạt động xã hội; hiệu suất đào tạo, số học sinh giỏi cấp Quận tăng dần từng năm; số học sinh lưu ban - bỏ học giảm dần, tỉ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở 100%, tỉ lệ học sinh trúng tuyển vào lớp 10 hệ công lập hàng năm trên 78%; nhiều giáo viên được công nhận giáo viên giỏi, Chiến sĩ thi đua cấp Quận, cấp Thành phố, Bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Nhà trường xác định được giáo dục giữ một vị trí quan trọng trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần vào việc xây dựng một nền kinh tế tri thức. Chính vì vậy, trong năm học 2024 - 2025, cùng với việc đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá, bồi

đường năng lực cho đội ngũ giáo viên, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ dạy và học, nhà trường đặc biệt quan tâm đến công tác tự đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục. Tháng 3/2023 trường được công nhận kiểm định chất lượng Cấp độ 1. Mỗi năm trường đều xây dựng kế hoạch cải tiến nâng dần chất lượng cố gắng phấn đấu đạt Cấp độ 2 năm 2028.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	82	00	12	64	01	00	07	36	29	0	38	0	0	0
I	Giáo viên														
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	65	00	10	62	1	00		36	27	0	38	0	0	0
1	Toán	13		3	10										
2	KHTN	12		2	10										
5	Văn	10		2	8										
6	Sử - Địa	7		1	6										
8	GDCD	3			3										
9	Anh	8		1	6	1									
10	Nhạc	2		1	1										
11	Họa	2			2										
12	GDTC	6		2	4										
13	CN	2			2										
II	Cán bộ quản lý	2		2						2		1	1		
1	Hiệu trưởng	1		1								1			
2	Phó hiệu trưởng	1		1									1		
III	Nhân viên	17													
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1				1									
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện	1			1							1			
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1										
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
8	Nhân viên công nghệ thông tin														
9	Giám thị	1				1									
10	Bảo vệ	4						4							
11	Phục vụ	5						5							
12	Bảo mẫu	3						3							

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT NĂM HỌC 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
-----	----------	----------	-----------

I	Số phòng học	40	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	40	
2	Phòng học bán kiên cố	00	-
3	Phòng học tạm	00	-
4	Phòng học nhờ	00	-
5	Số phòng học bộ môn	07	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	00	-
7	Bình quân lớp/phòng học	37/40	-
8	Bình quân học sinh/lớp	40/lớp	-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	7.442,5	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	1200	0.8 m ² /1hs
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	56*37=2072	1.4 m ² /1hs
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	56*2=112 115.2*5=576	0.46 m ² /1hs
3	Diện tích thư viện (m ²)	115.2	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	01	200 m ²
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	01	56 m ²
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	586	
1.2	Khối lớp 7	586	
1.3	Khối lớp 8	500	
1.4	Khối lớp 9	500	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp...		
2.2	Khối lớp...		
2.3	Khối lớp...		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	80 m ²	
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	40	
2	Cát xét	3	
3	Đầu Video/dầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	
5	Thiết bị khác...		
6	Đàn Organ Yamaha	1	

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	40	
2	Cát xét	3	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
 TỈNH BUNGLI
 TRẦN
 42

3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	
5	Thiết bị khác...		
6	Đàn Organ Yamaha	1	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	56
XI	Nhà ăn	224

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ		
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	200 * 6 = 1200	900	1.3		
XIII	Khu nội trú	0	0	0		
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02		24		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC.

Trong năm học 2023-2024, nhà trường đã xây dựng kế hoạch số 55/KH – THL, ngày 20/3/2024 về thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục sau khi hoàn thành tự đánh giá.

4.1. Kết quả thực hiện những nội dung đề ra trong kế hoạch nhằm thực hiện cải tiến chất lượng trong năm học 2023-2024:

Tiêu chuẩn 1:

- Hội đồng trường đã thực hiện việc rà soát, bổ sung và điều chỉnh chiến lược, lấy ý kiến đóng góp của đầy đủ các thành viên.

- Hiệu trưởng tạo điều kiện cho các Hội đồng trong nhà trường thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Nhà trường luôn chuẩn bị nguồn nhân lực dự bị cho Hội đồng trường nhằm bổ sung kịp thời nhân sự mới trong trường hợp có thành viên chuyển công tác.

- Cấp ủy Chi bộ đẩy mạnh và phát huy tốt hoạt động của các đoàn thể, thường xuyên tham gia hoạt động với Đảng ủy phường 4, phối hợp với các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường tổ chức các hoạt động thiết thực, phù hợp với nhà trường và cộng đồng tại địa phương.

- Phó Hiệu trưởng chuyên môn sắp xếp thời khóa biểu hợp lý, có buổi nghỉ chung cho các bộ môn trong cùng một tổ nhằm tạo điều kiện thuận lợi về thời gian để tổ ghép sinh hoạt.

- Công đoàn và thanh tra nhân dân tích cực kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính của nhà trường. Hiệu trưởng duy trì, nâng cao chất lượng công tác quản lý tài chính, tài sản và lập kế hoạch tài chính dài hạn để tạo nguồn lực xây dựng và phát triển nhà trường.

- Hiệu trưởng tăng cường công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên và nhân viên qua các đợt bồi dưỡng của ngành.

- Hiệu trưởng và các tổ trưởng chuyên môn tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao trình độ chính trị (100% đạt trình độ sơ cấp)

- Hiệu trưởng phát huy các điểm mạnh trong việc đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, các tệ nạn xã hội trong trường. Cán bộ quản lý tăng cường phối hợp với lực lượng chức năng cùng với Chi đoàn thanh niên nhà trường hướng dẫn phụ huynh đưa rước học sinh đỗ xe đúng nơi quy định, không gây mất trật tự giao thông khu vực cổng trường giờ ra về.

- Đã phát huy được sự hợp tác tích cực của các tổ chuyên môn, các đoàn thể trong nhà trường.

- Tiếp tục duy trì, phát huy những hoạt động đạt thành tích tốt.

- Cử giáo viên theo học các lớp bồi dưỡng tổ trưởng do PGDĐT tổ chức.

- Nhà trường phổ biến và lấy ý kiến góp ý rộng rãi của CB-GV-CNV, học sinh, nhân dân, cha mẹ học sinh về chiến lược phát triển trong các buổi sinh hoạt hội họp.

- Tiếp tục phát huy những mặt mạnh trong quản lý nhân sự, tài chính, tài sản.

- Vận động thêm sự hỗ trợ của phụ huynh, các ban ngành trong các hoạt động của nhà trường.

Tiêu chuẩn 2:

- Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng thực hiện tốt công tác bồi dưỡng, tự bồi dưỡng đổi mới phương pháp quản lý phù hợp với điều kiện thực tiễn và quy mô phát triển trường.

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của giáo viên như tạo điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp đại học và các lớp bồi dưỡng chuyên môn: Hỗ trợ giáo viên học lớp Thạc sĩ chuyên môn, Thạc sĩ quản lý giáo dục,...

- Động viên đảng viên tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao trình độ chính trị: Đảng viên tham gia học lớp Trung cấp chính trị.

Tiêu chuẩn 3:

- Trồng thêm các cây xanh có độ che phủ cao để tạo bóng mát trong và ngoài cổng trường.

- Làm bạt che tại khu sảnh ăn bán trú và nhà để xe.

- Làm bảng điện tử.

- Nâng cấp hệ thống đường truyền Internet và phủ Wifi toàn trường phục vụ cho việc tham khảo tài liệu giảng dạy.

- Giáo dục tư tưởng cho học sinh có ý thức giữ gìn của công gồm các thiết bị trong khu nhà vệ sinh. Lắp đặt mới các thiết bị vệ sinh bị mất, hư hỏng, tăng cường nhân viên làm vệ sinh các khu vực nhà vệ sinh của học sinh.

- Kiểm kê sửa chữa nâng cấp các đồ dùng thiết bị thí nghiệm hàng năm.

Tiêu chuẩn 4:

- Tiếp tục phát huy mặt mạnh, nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động của BDD CMHS.

- Tiếp tục phối hợp có hiệu quả giữa nhà trường với tổ chức đoàn thể, cá nhân đã có mối quan hệ khi thực hiện hoạt động giáo dục ...

- Bồi dưỡng cho các thành viên trong nhà trường khả năng tuyên truyền, vận động nhân dân, cha mẹ học sinh, mạnh thường quân đóng góp tinh thần, vật chất xây dựng và phát triển nhà trường.

- Tìm hiểu, phát hiện và vận động các đại biểu cha mẹ học sinh có đủ điều kiện tham gia hoạt động.

Tiêu chuẩn 5:

- Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất để phục vụ việc giảng dạy.

- Tiếp tục phát huy vai trò của tổ, nhóm chuyên môn trong việc tổ chức các tiết thao giảng, dự giờ, tham gia thi giáo viên dạy giỏi.

- Yêu cầu giáo viên tích cực đổi mới phương pháp dạy học, chú ý sử dụng phương pháp dạy học cá thể, phân loại trình độ học sinh trong từng lớp. Tăng cường thời gian phụ đạo cho học sinh yếu, kém.

- Giáo viên bộ môn kết hợp với GVCN và gia đình học sinh trong việc dạy phụ đạo cho học sinh yếu, kém, nâng cao chất lượng bồi dưỡng học sinh giỏi.

- Nghiên cứu và biên soạn tài liệu giảng dạy mới chi tiết phù hợp với chương trình giáo dục địa phương, với tình hình thực tế ở địa phương.

- Suu tầm và cung cấp thêm tư liệu, sách tham khảo cho giáo viên.

- Tổ chức cho giáo viên và học sinh tham quan thực tế ở địa phương để tìm thêm tư liệu phục vụ tốt cho chương trình.

- Tăng cường các hoạt động xã hội, sinh hoạt ngoại khóa, các buổi thảo luận để học sinh tham gia. Mời các chuyên gia tâm lý, giáo dục, các bác sĩ về nói chuyện với học sinh.

- Nâng cao chất lượng bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu ở tất cả các khối lớp. Hạn chế tỷ lệ học sinh lưu ban, quan tâm hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn có điều kiện học tập.

- Tiếp tục duy trì, củng cố xây dựng cảnh quan môi trường lớp học xanh, sạch, đẹp.
- Tăng cường công tác phổ biến hướng dẫn, kiểm tra, nhận xét rút kinh nghiệm trong giáo viên cuối mỗi học kỳ.
- Kết hợp chặt chẽ 3 môi trường: gia đình, nhà trường và xã hội trong công tác giáo dục đạo đức học sinh.
- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong học sinh và cha mẹ học sinh tầm quan trọng và lợi ích của việc học nghề phổ thông.
- Tăng cường công tác giáo dục hướng nghiệp cho học sinh khối 9 bằng nhiều hoạt động phong phú, đa dạng, tư vấn phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THCS.
- Động viên giáo viên tích cực đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới phương pháp đánh giá xếp loại học sinh, nâng cao năng lực sư phạm, tự học, tự rèn.

4.2. Những kế hoạch cải tiến chất lượng không thực hiện được:

Tiêu chuẩn 1: Số HS trong 1 lớp học không qua 35/1 lớp. Nhà trường mới thực hiện được ở khối lớp 6 (Thực hiện theo mô hình Tiên tiến hội nhập). Còn khối 7,8,9 chưa thực hiện được.

Tiêu chuẩn 2: Hiện tại vẫn còn 01 GV chưa đạt chuẩn (Đang học để đạt chuẩn).

Tiêu chuẩn 3: Chưa có phòng tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt.

Tiêu chuẩn 4: Nhà trường chưa phối hợp chưa hiệu quả với các tổ chức cá nhân để xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương.

Tiêu chuẩn 5:

Chất lượng của một số giờ dạy chương trình giáo dục địa phương ở các khối 6, 7,8 chưa cao.

Lý do: thiếu hình ảnh, tư liệu về địa phương, chưa có giáo trình chính thức.

V. KẾT QUẢ GIÁO DỤC NĂM HỌC 2023 - 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1493	401	356	288	448
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1316 (88.15%)	350 (87.28%)	309 (86.8%)	248 (86.11%)	409 (91.29%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	148 (9.92%)	42 (10.47%)	39 (10.96%)	32 (11.11%)	35 (7.81%)
3	Đạt/Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	21 (1.4%)	7 (1.75%)	4 (1.12%)	6 (2.41%)	4 (0.89%)
4	Chưa đạt/Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	8 (0.53%)	2 (0.5%)	4 (1.12%)	2 (0.69%)	0 (00%)
II	Số học sinh chia theo học lực					
1	Tốt/Giỏi	704	170	167	141	226

	(tỷ lệ so với tổng số)	(47.15%)	(42.39%)	(46.91%)	(48.96%)	(50.45%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	513 (34.37%)	141 (35.16%)	126 (35.39%)	98 (34.03%)	148 (33.04%)
3	Đạt/Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	231 (15.47%)	72 (17.96%)	53 (14.89%)	34 (11.81%)	72 (16.07%)
4	Chưa đạt/Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	45 (3.01%)	18 (4.49%)	10 (2.81%)	15 (5.25%)	02 (0.45%)
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0 00%	0 00%	0 00%	0 00%	0 00%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp thẳng (tỷ lệ so với tổng số)	1448 (96.98%)	383 (95.51%)	346 (97.19%)	273 (94.79%)	446 (99.55%)
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	704 (47.15%)	170 (42.39%)	167 (46.91%)	141 (48.96%)	226 (50.45%)
b	HS Khá/Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	513 (34.37%)	141 (35.16%)	126 (35.39%)	98 (34.03%)	148 (33.04%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	36 (2.62%)	17 (3.83%)	7 (1.96%)	12 (4.16%)	0 (00%)
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0 00%	00 00%	03 0.84%	05 1.73%	0 00%
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	36/18 (2.41% /1.2%)	1/2 (0.24% /0.49%)	13/7 (3.65% /1.96%)	10/6 (3.47% /2.08%)	12/3 (2.67% /0.66%)
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	6 (0.4%)	1 (0.24%)	1 (0.28%)	2 (0.69%)	2 (0.44%)
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp quận	13				13
2	Cấp tỉnh/thành phố	4				4
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	2			1	1
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	448				448
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	448				448
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	226 (50.45%)				226 (50.45%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	148 (33.04%)				148 (33.04%)
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	72 (16.07%)				72 (16.07%)
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	780/713	215/186	190/166	136/152	239/209
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	33	12	4	9	8

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH.

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2023

Căn cứ phân bổ dự toán thu chi NSNN năm 2023 theo Quyết định số 2164/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của Ủy ban nhân dân Quận Phú Nhuận về việc phân bổ và giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 582/QĐ-UBND ngày 16/6/2023 của UBND Quận Phú Nhuận về việc giao bổ sung kinh phí năm 2023 (về kinh phí phụ cấp ưu đãi giáo viên dạy trẻ khuyết tật + kinh phí miễn giảm học phí, tiền học 2 buổi+ kinh phí hỗ trợ chi phí học tập NH 22-23);

Căn cứ Quyết định số 1172/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của UBND Quận Phú Nhuận bổ sung kinh phí năm 2023 (bổ sung dự toán do tăng nhân sự);

Căn cứ Quyết định số 1223/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND Quận Phú Nhuận về điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023.

Nay nhà trường thực hiện công khai quyết toán kinh phí chi tiết như sau:

a) Nguồn ngân sách:

(ĐVT: Đồng)

NỘI DUNG \ NGUỒN CHI	CHI THƯỜNG XUYÊN	CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN
DỰ TOÁN NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG (1)	119.731.000	
DỰ TOÁN GIAO (2)	8.639.876.000	8.991.570.000
DỰ TOÁN BỔ SUNG (3)	92.744.000	231.277.642
DỰ TOÁN GIẢM CCTL (4)		
DỰ TOÁN THU (1+2+3-4)	8.852.351.000	9.222.847.642
DỰ TOÁN CHI	8.732.551.000	7.728.563.214
1. Tiền lương	4.318.883.298	
2. Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng		
3. Phụ cấp lương	1.953.695.729	
4. Các khoản đóng góp	1.166.766.235	
5. Tiền thưởng	36.180.000	
6. Phúc lợi tập thể		
7. Chi thu nhập tăng thêm		
8. Thanh toán dịch vụ công cộng	52.063.555	
9. Vật tư văn phòng		
10. Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	4.685.000	
11. Hội nghị		
12. Công tác phí		

13. Chi phí thuê mượn		
14. Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng		
15. Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	111.351.000	
16. Chi khác		
17. Chi lập các quỹ của đơn vị	955.726.183	
18. Phụ cấp ưu đãi nghề (đạy học sinh khuyết tật)		182.957.642
19. Phụ trội (đạy thêm giờ)		13.600.000
20. Hỗ trợ công tác y tế		5.400.000
21. Thuê đào tạo lại cán bộ (Chương trình GDPT 2018)		210.900.000
22. Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học		48.320.000
23. Cấp bù học phí		3.466.800.000
24. Trợ cấp phụ cấp (Nghị quyết 08)		3.800.585.572
25. Trợ cấp Tết thành phố	133.200.000	
26. Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn		
DỰ TOÁN CÒN LẠI	119.800.000	1.494.284.428
CHUYỂN SANG NĂM 2024	119.800.000	1.494.284.428
KINH PHÍ HỦY	0	0

b) Nguồn dịch vụ:

(DVT: Đồng)

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ
1	Doanh thu hoạt động SXKD, dịch vụ	14.293.519.235
2	Các khoản chi từ nguồn SXKD, dịch vụ	9.233.019.992
2.1	Chi thanh toán cá nhân (con người)	2.881.171.035
2.2	Chi hoạt động (trả trung tâm + mua tiết bị bán trị)	5.638.145.060
2.3	Chi mua sắm	149.154.324
2.4	Chi sửa chữa	224.264.854
2.5	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn, chi phí khác	340.284.719
3	Chi phí thuế TNDN (2%)	305.421.756
4	Trích lập CCTL đơn vị	2.154.443.338
5	Trích khấu hao tài sản	28.852.175
6	Kết quả kinh doanh dịch vụ (trích lập quỹ	2.571.781.974

	cuối năm)	
--	-----------	--

c) Thu chi các quỹ trích lập:

(ĐVT: Đồng)

Số dư năm trước chuyển sang	4.569.076.769
Tổng số thu	3.568.518.827
Tổng số chi	3.470.103.542
Tổng số tồn	4.667.492.054

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp, miễn giảm học phí đối với người thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2023-2024:

(ĐVT: Đồng)

NỘI DUNG	SỐ HỌC SINH	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
Đối tượng được hưởng chế độ miễn giảm học phí	100% học sinh được miễn		
Đối tượng được miễn tiền học 2 buổi, hỗ trợ chi phí học tập: Theo NĐ số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021; Nghị quyết số 75/2021/NQ-HĐND			
-Tiền tổ chức học 2 buổi NH 23-24 (Miễn 100%)	27	12.480.000đ	
-Tiền tổ chức học 2 buổi NH 23-24 (Miễn 50%)	23	6.080.000đ	
-Hỗ trợ chi phí học tập	51	57.750.000đ	
Đối tượng được hỗ trợ học bổng và phương tiện đồ dùng dạy học: Thông tư 42/2013/TTLT-BGDĐT-			



BLDTBXH			
Hỗ trợ học bổng	33	19.800.000đ	

3. Công khai các khoản thu năm học 2023-2024 và dự kiến 2 năm tiếp theo:

(ĐVT: Đồng)

STT	DIỄN GIẢI	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
I	Năm học 2023-2024		
	Học phí	0	
	Tổ chức dạy học 2 buổi	100.000	Học sinh/ tháng
	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ	100.000	Học sinh/ tháng
	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	180.000	Học sinh/ tháng
	Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống	65.000	Học sinh/ tháng
	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ, học bơi	60.000	Học sinh/ tháng
	Tiền tổ chức Giáo dục STEM	180.000	Học sinh/ tháng
	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án "Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam"	3.600.000	Học sinh/ tháng
	Nước uống	17.000	Học sinh/ tháng
	Học phẩm NH 23-24	20.000	Học sinh/ năm học
	Thiết bị vật dụng phục vụ học sinh bán trú	200.000	Học sinh/ năm học
	Tiền điện máy lạnh của lớp	35.000	Học sinh/ tháng
	Tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	230.000	Học sinh/ tháng
	Tiền ăn bán trú	34.000	Học sinh/ngày
	Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu	20.000	Học sinh/ năm học
	Bảo hiểm y tế học sinh	680.400	Theo luật bảo hiểm về hướng dẫn thực hiện BHYT HSSV
	Bảo hiểm tai nạn	50.000	Học sinh/ năm học
	Tin học quốc tế	120.000	Học sinh (khối 6)/ tháng
	Phần mềm học trực tuyến NH 23-24	100.000	Học sinh/ năm học
II	Dự kiến năm học 2024-2025 và 2025-2026		
	Học phí	60.000đ	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền
	Tổ chức dạy học 2 buổi	110.000	Học sinh/ tháng
	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn Ngoại ngữ	110.000	Học sinh/ tháng
	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	200.000	Học sinh/ tháng
	Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống	70.000	Học sinh/ tháng
	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ, học bơi	60.000	Học sinh/ tháng
	Tiền tổ chức Giáo dục STEM	180.000	Học sinh/ tháng

	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án “Dạy và học các môn Toán, Khoa học và Tiếng Anh tích hợp Chương trình Anh và Việt Nam”	3.600.000	Học sinh/ tháng
	Tổ chức thực hiện Đề án Trường thực hiện chương trình chất lượng cao “Trường tiên tiến hội nhập quốc tế”	1.725.000	Học sinh/ tháng
	Nước uống	17.000	Học sinh/ tháng
	Học phẩm NH 23-24	20.000	Học sinh/ năm học
	Thiết bị vật dụng phục vụ học sinh bán trú	200.000	Học sinh/ năm học
	Tiền điện máy lạnh của lớp có sẵn máy lạnh	35.000	Học sinh/ tháng
	Đối với lớp có nhu cầu sử dụng nhưng chưa có máy lạnh, phải đi thuê	95.000	Học sinh/ tháng
	Tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	260.000	Học sinh/ tháng
	Tiền ăn bán trú	36.000	Học sinh/ngày
	Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu	23.000	Học sinh/ năm học
	Bảo hiểm y tế học sinh	884.520	Theo luật bảo hiểm về hướng dẫn thực hiện BHYT HSSV
	Tin học quốc tế	130.000	Học sinh / tháng
	Phần mềm học trực tuyến NH 23-24	100.000	Học sinh/ năm học
	Tiền trông giữ xe học sinh	2.000	(xe/lượt)

4. Công khai dự toán thu chi 6 tháng đầu năm 2024:

(ĐVT: Đồng)

Số TT	Nội dung	Dự toán thu năm 2024	Dự toán thực hiện 6 tháng đầu năm 2024	Dự toán thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	Dự toán thực hiện (6 tháng đầu năm nay) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4		6
A	Tổng số thu, chi, nguồn dịch vụ				
1	Tổng thu	9.245.680.000	8.005.095.900	9.972.211.600	80,27%
2	Tổng chi	9.245.680.000	3.268.395.045	5.049.721.781	64,72%
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.874.497.000	3.898.466.619		0
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	12987.595.000	3.592.010.995	8.897.215.663	40,37%

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC.

7.1. Triển khai thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

Thực hiện dạy học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 ở khối lớp 6,7, 8; chuẩn bị cơ sở vật chất, phòng chức năng, giáo viên cho các môn học mới; phân công giáo viên chuẩn bị dạy lớp 9; thực hiện lựa chọn SGK lớp 9.

Tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục, các sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn (đổi mới sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học).

Thực hiện sửa chữa, mua sắm bổ sung các trang thiết bị phục vụ dạy học theo yêu cầu của Chương trình GD phổ thông 2018; Khai thác, sử dụng trang thiết bị hiện có; bổ sung các phần mềm dạy học, tài liệu tham khảo; xây dựng thư viện đạt chuẩn từng bước xây dựng thư viện hiện đại. Xây dựng Thư viện trở thành nơi kết nối, lan tỏa các hoạt động dạy học, là nơi khởi đầu của hoạt động khuyến khích tự học và mở rộng không gian, thời gian tổ chức lớp học của nhà trường. Trang bị thêm các đầu SGK ngoài danh mục chọn lựa để giáo viên và học sinh có thể sử dụng nhằm thực hiện chương trình chủ động, linh hoạt, hiệu quả.

Tổ chức thực hiện lựa chọn sách giáo khoa công khai theo biên bản đề xuất từ các tổ bộ môn, lập biên bản gửi về phòng Giáo dục trung học và ra quyết định công bố bộ sách giáo khoa sử dụng trong nhà trường. Phối hợp với các Nhà xuất bản có sách giáo khoa được lựa chọn để đảm bảo sách giáo khoa và tổ chức tập huấn sử dụng sách giáo khoa cho Giáo viên. Huy động các nguồn lực để mua sắm đầy đủ các bản sách giáo khoa đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt cho thư viện phục vụ dạy học theo chương trình. Lãnh đạo đơn vị, giáo viên hướng dẫn học sinh giữ gìn sách giáo khoa để sử dụng được nhiều năm; tổ, nhóm chuyên môn thực hiện việc lựa chọn các tài liệu hỗ trợ dạy học phù hợp với đặc điểm, trình độ học sinh và đáp ứng các chương trình, đề án đang triển khai tại thành phố.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường và văn bản 4284/SGDĐT – GDTrH, ngày 09 tháng 9 năm 2023 của Sở GDĐT về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2023 – 2024.

7.2. Tiếp tục đổi mới hình thức tổ chức, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá theo hướng phát huy năng lực, phẩm chất của người học, kỹ năng ứng dụng lý thuyết được học giải quyết các vấn đề của thực tế đời sống; các kỹ năng sống, kỹ năng thực hành xã hội cần thiết, phù hợp với lứa tuổi và đáp ứng nhu cầu xã hội, nhất là khả năng hội nhập quốc tế.

Duy trì dạy học 2 buổi/ngày, thực hiện theo hướng dẫn tại văn bản số 2848/GDĐT-TrH ngày 06 tháng 9 năm 2019 về hướng dẫn thực hiện chương

trình dạy học và hoạt động giáo dục 2 buổi/ngày tại các trường THCS, THPT trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2019 – 2020.

Triển khai một cách đồng bộ, hiệu quả hoạt động dạy học trực tuyến theo các quy định mới; làm nền tảng để xây dựng xã hội học tập, khuyến khích người dân học tập suốt đời một cách thông minh, trên nền tảng của công nghệ truyền thông, mạng internet, ...

Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học theo hướng hiện đại, phát huy tính chủ động, tích cực, và sáng tạo của học sinh; đẩy mạnh hoạt động chuyên đề, tổ chức trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy phẩm chất, năng lực của học sinh. Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của các câu lạc bộ, đội nhóm học thuật trong nhà trường làm nền tảng cho hoạt động học sinh nghiên cứu khoa học; đẩy mạnh giáo dục STEM, STEAM.

Tiếp tục thực hiện đổi mới đánh giá học sinh, nâng cao chất lượng kiểm tra định kỳ (quy chế tổ chức; đề kiểm tra xây dựng ma trận đề đảm bảo các mức độ theo quy định; áp dụng đa dạng các hình thức kiểm tra, đánh giá). Tiếp tục tổ chức khảo sát chất lượng học sinh lớp 7, 9 làm cơ sở để đánh giá tình hình học tập và điều chỉnh kịp thời việc giảng dạy và đánh giá học sinh. Triển khai thực hiện Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Bộ GDĐT quy định về đánh giá học sinh THCS và học sinh THPT, áp dụng từ năm học 2021-2022 đối với học sinh khối 6,7,8.

7.3. Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục thể chất, bảo đảm an toàn trường học

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 04/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về giáo dục đạo đức, lối sống cho HS; tăng cường công tác giáo dục kỹ năng sống, xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học; công tác tư vấn tâm lý cho HS phổ thông; công tác xã hội trong trường học. Lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống trong các chương trình môn học và hoạt động giáo dục, bao gồm: học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; phổ biến, giáo dục pháp luật, phòng, chống tham nhũng và đạo đức liêm chính, phòng chống tệ nạn xã hội; chủ quyền Quốc gia về biên giới, biển đảo; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; bảo vệ môi trường; đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; giáo dục an toàn giao thông và văn hóa giao thông; giáo dục quốc phòng an ninh; giáo dục chuyển đổi hành vi về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực trong gia đình và nhà trường; giáo dục chăm sóc mắt cho HS

Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trung học duy trì nền nếp thực hiện các bài thể

dục, tập luyện và tổ chức thi đấu các môn thể thao nhằm phát triển thể lực toàn diện cho HS.

7.4. Tiếp tục thực hiện hiệu quả các Đề án, chương trình đột phá của Thành phố

Đề án giáo dục thông minh và học tập suốt đời giai đoạn 2020-2030; Tiếp tục triển khai hiệu quả Quyết định số 2769/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2019 về triển khai Đề án dạy học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân ban hành theo Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2019 - 2025; Đề án Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn Quốc tế Giai đoạn 2021 – 2030 (Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh);

Khuyến khích học sinh tham gia các kỳ thi lấy chứng chỉ tiếng Anh theo các chuẩn quốc tế. Phát triển chương trình Tiếng Anh tăng cường, khuyến khích học sinh đạt chứng chỉ tiếng Anh theo chuẩn quốc tế; sử dụng tài liệu dạy học bổ trợ theo hướng dẫn của Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Bộ GDĐT; sử dụng và phối hợp sử dụng các bộ tài liệu dạy học THCS để nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học; thực hiện việc kiểm tra, đánh giá theo Công văn số 5333/BGDĐT-GDTrH ngày 29/9/2014 và Công văn số 3333/BGDĐT-GDTrH ngày 07/7/2016 của Bộ GDĐT.

Đảm bảo cơ sở vật chất, nguồn lực tài chính. Đẩy mạnh xã hội hóa nguồn lực đầu tư phát triển lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo quy định. Phát huy hiệu quả hoạt động Hội khuyến học các cấp và thu hút, huy động mọi nguồn. Phát huy tốt vai trò của Ban đại diện cha mẹ học sinh để góp phần xã hội hóa giáo dục đúng luật và hiệu quả.

7.5. Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục; thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy, học; nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động dạy học trực tuyến, làm nền tảng để xây dựng xã hội học tập. Phối hợp xây dựng kho tài nguyên học liệu mở, hình thành mạng xã hội học tập trực tuyến miễn phí, phục vụ nhu cầu tự học, tự nghiên cứu của học sinh và nhu cầu học tập suốt đời của người dân.

Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong nhiệm vụ dạy và học, bao gồm ứng dụng công nghệ trong lớp học, ứng dụng công nghệ trong phương pháp dạy học và ứng dụng công nghệ trong quản lý giáo dục. Chủ động xây dựng kế hoạch dạy học trực tuyến, trên truyền hình; phát triển kho học liệu điện tử để sử dụng hiệu quả trong việc tổ chức dạy học trực tuyến, trên truyền hình; sẵn sàng ứng phó với các tình huống bất thường của dịch Covid-19 và các tình huống đặc biệt khác.

Tập trung đổi mới sinh hoạt chuyên môn của tổ/nhóm chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học. Tăng cường các hoạt động dự giờ, rút kinh nghiệm để hoàn thiện từng bước cấu trúc nội dung, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục; phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của HS.

Thực hiện tinh giản hồ sơ, sổ sách trong nhà trường; quản lí và sử dụng xuất bản phẩm tham khảo. Nâng cao chất lượng sử dụng công nghệ thông tin trong tổ chức và quản lí các hoạt động chuyên môn trong các cơ sở giáo dục trung học; tăng cường sử dụng hồ sơ điện tử, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử để nâng cao hiệu quả công tác quản lí giáo dục; thực hiện nhập số liệu, khai thác, sử dụng thống nhất dữ liệu toàn ngành về trường, lớp, HS, GV, trường chuẩn quốc gia và các thông tin khác trong quản lí và báo cáo.

Nơi nhận:

- Phòng GD-ĐT;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG




TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
TRẦN HUY LIÊU

Nguyễn Trường Giang